

CÁC HÌNH THỨC HÔN NHÂN ĐẶC TRƯNG CỦA NGƯỜI HÀ NHÌ Ở VÙNG BIÊN GIỚI VIỆT NAM - TRUNG QUỐC (NGHIÊN CỨU TẠI XÃ Y TÝ, HUYỆN BÁT XÁT, TỈNH LÀO CAI)

TS. Hoàng Phương Mai
Viện Dân tộc học
Email: maihp.vass@gmail.com

Tóm tắt: Bài viết đề cập đến các hình thức hôn nhân mang tính đặc trưng của người Hà Nhì ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc bao gồm: hôn nhân đồng tộc, hôn nhân xuyên biên giới và hôn nhân hỗn hợp dân tộc. Cách tiếp cận các hình thức hôn nhân này không bị gò bó trong khuôn khổ thể chế xã hội hay quan hệ kinh tế mà dựa trên thành phần dân tộc, quốc gia, quốc tịch của mỗi cá nhân trong môi trường xã hội tộc người với các yếu tố khác biệt của vùng biên giới. Nghiên cứu các hình thức hôn nhân của người Hà Nhì cho thấy tiến trình phát triển của tộc người và cách thích nghi của họ trước sự biến đổi xã hội. Điều này đặc biệt có ý nghĩa trong bối cảnh chính trị - xã hội hiện nay tại địa bàn biên giới Việt Nam - Trung Quốc cũng như khu vực sinh sống của người Hà Nhì ở xã Y Tý, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

Từ khóa: Các hình thức hôn nhân, người Hà Nhì, biên giới Việt Nam - Trung Quốc, tỉnh Lào Cai.

Abstract: The article examines the typical marriage forms among the Ha Nhi people residing in the Vietnam-China border area. These forms include same-ethnic marriage, cross-border marriage and mixed-ethnic marriage. The analysis of these marriage forms is not limited to social institutions or economic relationships; instead, it is based on the ethnic composition, nationality, and nation of each individual within the ethnic and social environment, which are influenced by various border factors. The study of Ha Nhi people's marriage forms provides insights into the developmental process of this ethnic group and their ability to adapt to social changes. Given the current sociopolitical context in the Vietnam-China border area and the living environment of the Ha Nhi people in Y Ty commune, Bat Xat district, Lao Cai province, this research holds significance.

Keywords: Marriage forms, Ha Nhi people, Vietnam-China border, Lao Cai province.

Ngày nhận bài: 20/03/2023; ngày gửi phản biện: 28/4/2023; ngày duyệt đăng: 28/6/2023

Mở đầu

Hôn nhân là thể chế xã hội kèm theo những nghi thức xác nhận quan hệ tính giao giữa hai hay nhiều cá nhân thuộc hai giới tính khác nhau (thường là giữa người nam và người nữ

tạo nên quan hệ vợ chồng) được quy định bởi các mối quan hệ và trách nhiệm với nhau giữa họ và con cái của họ. Trong xã hội nguyên thủy, hôn nhân được tiến hành theo luật tục, khi xã hội có giai cấp và nhà nước, hôn nhân phải được sự thừa nhận của pháp luật (Hội đồng Quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển Bách khoa Việt Nam, 2002, tr. 389). Việt Nam là quốc gia đa dân tộc, trong đó các dân tộc thiểu số (DTTS) là bộ phận hết sức quan trọng trong kết cấu dân cư. Tập quán hôn nhân của các tộc người đã tồn tại từ nhiều đời, có những phong tục tốt đẹp thể hiện tinh hoa văn hóa, có những hủ tục cản trở quá trình vươn lên thoát khỏi đói nghèo của đồng bào. Luật Hôn nhân và Gia đình (2014) quy định “*Hôn nhân là quan hệ giữa vợ và chồng sau khi kết hôn*” và “*Kết hôn là việc nam và nữ xác lập quan hệ vợ chồng với nhau theo quy định của Luật này về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn*”. Điều đó cho thấy, ở Việt Nam, hôn nhân là đối tượng lập pháp và khi nam nữ xác lập quan hệ vợ chồng bằng việc kết hôn sẽ được Nhà nước bảo vệ các quyền lợi hợp pháp gắn liền với nhân thân.

Hôn nhân là đối tượng nghiên cứu của nhiều ngành khoa học xã hội, bởi hôn nhân thể hiện các mối quan hệ cốt lõi để xây dựng nên gia đình và phản ánh một phần đáng kể quy luật phát triển của xã hội loài người qua các giai đoạn lịch sử. Tuy nhiên, tùy thuộc vào điều kiện xã hội và những yếu tố đặc trưng văn hóa của mỗi tộc người mà hôn nhân có thể diễn ra theo nhiều hình thức khác nhau. Trong thời gian qua, việc nghiên cứu các hình thức hôn nhân ở các DTTS vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc được các nhà Dân tộc học/Nhân học quan tâm song chủ yếu được đề cập đến trong các công trình chung về hôn nhân và gia đình, trong các luận văn, luận án về nghi lễ cưới xin, hay trong các nghiên cứu về xu hướng biến đổi của hôn nhân, về quan hệ dân tộc xuyên biên giới,... Trong khi đó, hình thức hôn nhân của các DTTS ngày càng đa dạng với nhiều cách thể hiện và mối quan hệ khác nhau, tạo ra một bức tranh về hôn nhân và gia đình nhiều màu sắc. Nguyên nhân tạo nên sự đa dạng của các hình thức hôn nhân mang đặc trưng khu vực biên giới, có những tác nhân mang tính lịch sử và tác nhân mới, bao gồm cả yếu tố truyền thống tộc người, yếu tố quốc gia - dân tộc trong đó. Vì vậy, nghiên cứu về hình thức hôn nhân của các tộc người vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc là một yêu cầu cấp thiết được đặt ra trong tình hình hiện nay.

Dân tộc Hà Nhì sống tập trung chủ yếu trên dọc tuyến biên giới thuộc một số huyện của các tỉnh Lai Châu, Điện Biên và Lào Cai. Người Hà Nhì thường cư trú theo khu vực canh tác nương rẫy và ruộng bậc thang với quy mô mỗi bản chỉ từ 60 đến 150 hộ và rất ít đan xen với tộc người khác. Đặc điểm cố kết tộc người cao và địa bàn cư trú mang đặc trưng vùng biên giới khiến cộng đồng Hà Nhì phổ biến tâm lý ưa thích lựa chọn kết hôn với người đồng tộc cả trong nội địa Việt Nam và đồng tộc bên kia biên giới Trung Quốc. Điều này tạo tiền đề cần thiết cho việc tiếp cận nghiên cứu các hình thức hôn nhân để làm nổi bật yếu tố tộc người, thể hiện được sự giao lưu và tiếp biến văn hóa tộc người trong xã hội hiện đại ngày nay.

Trong bài viết này, chúng tôi tập trung trình bày một số hình thức hôn nhân của người Hà Nhì với các yếu tố khác biệt của vùng biên giới bao gồm: *Hôn nhân đồng tộc*, *hôn nhân xuyên biên giới* và *hôn nhân hỗn hợp dân tộc*. Việc tiếp cận các hình thức hôn nhân này

không bị gò bó trong khuôn khổ thể chế xã hội hay đặc điểm quan hệ gia đình, quan hệ kinh tế mà dựa trên thành phần dân tộc, quốc tịch của mỗi cá nhân khi tiến đến hôn nhân. Các hình thức hôn nhân khác (hôn nhân cận huyết thống, hôn nhân đồng tính, đa phu, đa thê, tảo hôn...) rất ít hoặc không xuất hiện và không mang tính đặc trưng tại địa bàn nên không được đề cập đến.

Tư liệu bài viết là một phần kết quả của hai chuyến khảo sát thực hiện vào năm 2021 và 2022 tại xã Y Tý, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, trong đó Choán Thèn và Lao Chải là hai thôn có mật độ người Hà Nhì cư trú cao được chúng tôi lựa chọn khảo sát. Phương pháp nghiên cứu áp dụng là điều tra phiếu hỏi, phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm với người dân, cùng các số liệu thứ cấp thu thập từ chính quyền địa phương. Việc tập trung tìm hiểu các hình thức hôn nhân của người Hà Nhì từ hôn nhân đồng tộc đến việc mở rộng ra hôn nhân khác tộc cho thấy tiến trình phát triển của xã hội tộc người và cách thích nghi của họ trước sự biến đổi xã hội. Điều này đặc biệt có ý nghĩa trong bối cảnh chính trị - xã hội hiện nay tại địa bàn biên giới Việt Nam - Trung Quốc cũng như khu vực sinh sống của người Hà Nhì ở xã Y Tý, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

1. Hôn nhân đồng tộc

Theo tư liệu Dân tộc học, người Hà Nhì di cư từ Côn Minh (Trung Quốc) qua một số tỉnh thành rồi đến huyện Bát Xát (Việt Nam) khoảng 300 năm về trước (Dương Lục Kim, 2007). Xã Y Tý là một trong những địa bàn người Hà Nhì sống tập trung lâu đời, có đường biên giới dài với cặp cửa khẩu Y Tý (Việt Nam) - Ma Ngan Tý (thuộc huyện Kim Bình, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc). Xã gồm 12 thôn, trong đó 7 thôn có người Hà Nhì sinh sống. Nông nghiệp là hoạt động sinh kế chủ yếu của người dân, trong khi cơ sở hạ tầng, đường sá giao thông còn nhiều hạn chế, vị trí cách xa trung tâm huyện, tỉnh nên đời sống của người dân còn nhiều khó khăn. Sự cách biệt về địa lý làm tăng thêm tính chất co cụm, mật tập trong cách sống của người Hà Nhì. Thôn Choán Thèn có 309/323 tổng số dân là người Hà Nhì (95,6%), thôn Lao Chải¹ có 710/785 dân số là người Hà Nhì (90,4%) (Ủy ban nhân dân xã Y Tý, 2021). Mức độ cư trú xen cài với tộc người khác thấp nên trong khoảng thời gian rất dài, người Hà Nhì vẫn duy trì tập quán hôn nhân đồng tộc, khiến cho tỷ lệ các gia đình thuần nhất về dân tộc chiếm vị trí lớn trong kết cấu dân cư ở cả Choán Thèn và Lao Chải. Có thể nhận thấy, yếu tố quyết định hình thành gia đình thuần nhất dân tộc là tâm lý ưu tiên lựa chọn kết hôn với người đồng tộc. Số liệu điều tra thực địa năm 2022 cho thấy tỷ lệ các cặp hôn nhân đồng tộc ở người Hà Nhì ở hai thôn được nghiên cứu là 69%, trong đó hôn nhân đồng tộc nội địa là 62%, hôn nhân đồng tộc xuyên biên giới là 7% (xem Biểu đồ 2).

Sự phổ biến của nội hôn nói lên tính chất khép kín của hệ thống xã hội. Theo Henri D'Ameras (1904), nội hôn tộc người là một cơ chế tự bảo vệ của dân tộc đó, nhất là khi dân tộc đứng trước sự đồng hóa từ bên ngoài, tính đóng kín của hôn nhân với mong muốn có một

¹ Thôn Lao Chải ngày nay là sự sáp nhập của 3 thôn: Lao Chải 1, Lao Chải 2 và Lao Chải 3 từ sau ngày 1/4/2019.

cộng đồng dân tộc thuần nhất, nhờ đó các thành viên gia đình có thể kế thừa những tinh hoa đặc thù của dân tộc. Nội hôn cũng nhằm khẳng định biên giới quốc gia hay vùng cư trú được phân chia tự nhiên và những khác biệt về chính trị của mỗi quốc gia hay vùng lãnh thổ, sự khác biệt về văn hóa, trải nghiệm lối sống, phong tục tập quán... (dẫn theo Nguyễn Văn Minh, 2008, tr. 243). Việc hình thành tâm lý xây dựng xã hội chỉ thuần túy người Hà Nhì được lý giải qua các truyền thuyết ghi lại những biến cố của người Hà Nhì trên chặng đường di cư và đấu tranh chống lại sự lấn chiếm của các tộc người lân bang, đặc biệt là chống lại đồng hóa từ các tộc người lớn như Nà Da (người Hán). Từ đó, người Hà Nhì luôn không tán thành việc kết hôn khác tộc, bởi bối cảnh phải chống chọi với nhiều kẻ thù khiến hình thành trong họ lối sống “phòng thủ”, lựa chọn hôn nhân đồng tộc cũng chính là sự phòng vệ trước âm mưu thôn tính của các tộc người khác. Theo nghiên cứu về người Hà Nhì tại xã Y Tý của Nguyễn Thị Lành (2016, tr. 52): *“Người Hà Nhì Đen từ xưa đến nay rất ít kết hôn với người ngoài tộc, vài trường hợp con trai, con gái Hà Nhì Đen lấy người Hmông, người Dao đã bắt đồng ngôn ngữ, phong tục dẫn tới hai vợ chồng không hiểu nhau, không hợp nếp sống và cách nghĩ của nhau...”*.

Như vậy, hôn nhân đồng tộc được ưu tiên cũng bởi người Hà Nhì mong muốn có sự hòa hợp cả về phong tục tập quán và ngôn ngữ, để mọi thành viên trong gia đình không bị khác biệt về nếp sống. Dân tộc Hà Nhì vốn theo chế độ phụ hệ, người chồng, người cha có quyền quyết định lớn nhất. Nhiều hủ tục thể hiện sự phân biệt đối xử, nhưng phụ nữ Hà Nhì vẫn rất cam chịu, chấp nhận thể chế gia đình trọng nam, luôn chăm chỉ làm ăn và vun vén việc nhà. Người Hà Nhì cho rằng, vợ chồng cùng dân tộc sẽ thông cảm cho bạn đời, dễ dàng chấp nhận lối sống gia đình cũng như gia cảnh nghèo khó của nhau. Cho đến nay, tính chất phụ quyền, gia trưởng trong gia đình người Hà Nhì mới chỉ cải thiện một phần, mặc dù sự tuyên truyền của Nhà nước về bình đẳng giới diễn ra khá thường xuyên.

Hôn nhân đồng tộc của người Hà Nhì tạo nên bề dày truyền thống với sự nối tiếp khá chặt chẽ giữa các thế hệ trong dòng họ, điều này thể hiện qua cách đặt tên theo “phụ tử liên danh”. Việc đặt tên này chỉ thực hiện đối với con trai, theo nguyên tắc: tên cuối cùng của người cha làm tên đệm giữa họ và tên đứa trẻ. Đây là cách để ghi nhớ các đời, các chi trong dòng họ của người Hà Nhì bằng trí nhớ, truyền miệng, giống như phương pháp ghi chép gia phả của các tộc người có chữ viết. “Phụ tử liên danh” được thực hiện suốt chiều dài lịch sử của gia đình, dòng họ người Hà Nhì cho đến ngày nay. Thông qua tục lệ đặt tên này kết hợp với cách tính năm cho mỗi đời hoặc đặc điểm sinh sản và độ tuổi kết hôn sẽ biết tương đối chuẩn xác về lịch sử gia đình, dòng họ (Dương Tuấn Nghĩa, 2010, tr. 74).

Từ xa xưa, ý nghĩa của việc ưu tiên kết hôn với người cùng dân tộc trước hết biểu thị cho ý thức bảo vệ lực lượng và tư liệu sản xuất cho gia đình nói riêng và cộng đồng người Hà Nhì nói chung. Đối với gia đình phụ quyền, nơi của cải và đất đai hầu hết được chia cho các con trai, nội hôn tộc người là sự giải thích hợp lý cho việc tại sao các con trai (được coi là lao động chính) thường ở lại trong cộng đồng, trong khi con gái chỉ nhận được một phần của hồi môn ít ỏi khi được gả về nhà chồng. Bên cạnh việc bảo lưu giá trị vật chất, sự tồn tại của

những gia đình thuần nhất dân tộc được lý giải là để bảo vệ toàn vẹn những giá trị tinh thần của tộc người, bởi gia đình là môi trường để văn hoá tộc người được trao truyền cho thế hệ sau một cách hữu hiệu nhất.

2. Hôn nhân xuyên biên giới

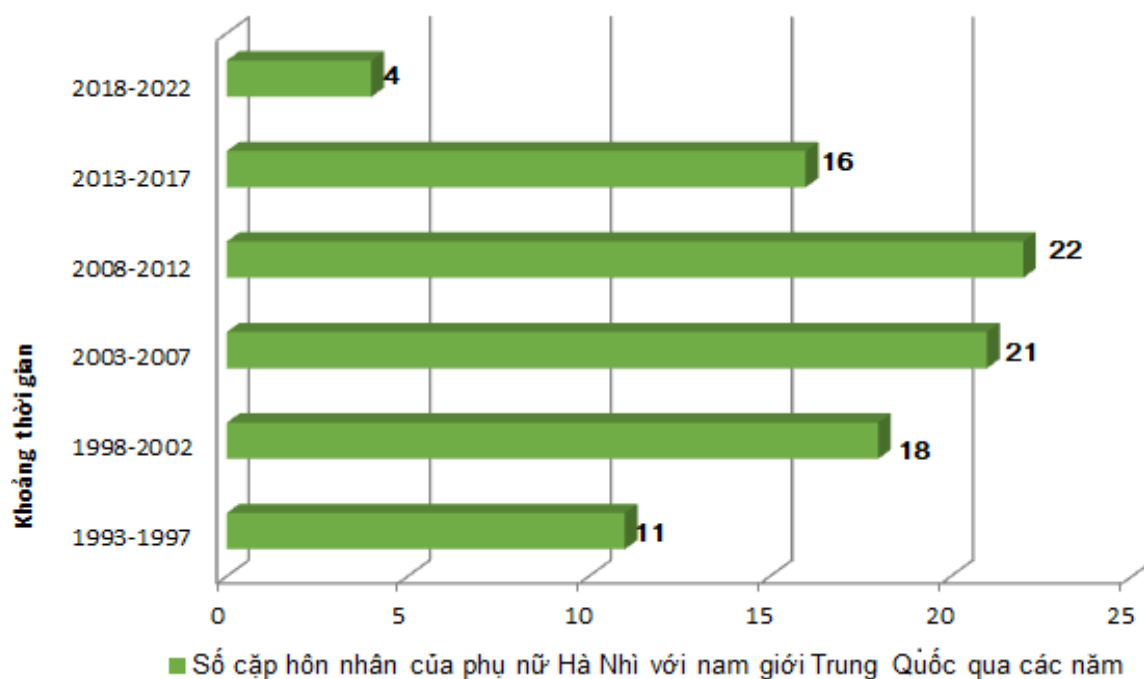
Trong mối quan hệ liên/xuyên biên giới, hầu hết các dân tộc nằm dọc biên giới Việt Nam - Trung Quốc có đồng tộc ở phía bên kia biên giới từ rất lâu đời, như người Hmông ở Cao Bằng, Hà Giang, Lào Cai, Lai Châu, Điện Biên; người Tày ở Cao Bằng, Lạng Sơn; người Hà Nhì ở Điện Biên, Lai Châu, Lào Cai; người Giáy ở Hà Giang, Lào Cai;... Các tộc người đều duy trì mối quan hệ với đồng tộc ở bên kia biên giới, nhất là quan hệ họ hàng, thông gia trên cơ sở các cuộc hôn nhân (Lý Hành Sơn, 2016, tr. 36). Các học giả Trung Quốc cũng có những cuộc khảo sát giáp biên giới Việt Nam và khẳng định từ thời Minh - Thanh đã có hơn một nửa số gia đình tại các thôn giáp biên có quan hệ xuyên biên giới trong bốn đời trở lại với Việt Nam. Trước khi Nhà nước hiện đại hình thành, hôn nhân trong khu vực này thường nằm dưới sự kiểm soát của luật tục truyền thống, mang sắc thái địa phương và luôn trong trạng thái bị nhà nước trung ương buông lỏng quản lý (Long Vĩnh Hành, 1994). Nghiên cứu của Lianling Su (2013) cho rằng, kết hôn xuyên biên giới là một trong những phương cách hữu hiệu giúp cho các hoạt động kinh tế của cá nhân, gia đình hoặc mạng lưới kinh tế của họ phát triển thuận lợi. Sự tương đồng về mặt văn hóa hai bên biên giới và mối quan hệ lịch sử lâu đời khiến cho nam nữ không cảm thấy có khoảng cách về lãnh thổ, thậm chí những tục lệ về kết hôn ngoại tộc khiến cho các cuộc hôn nhân xuyên biên giới lại diễn ra ngày càng nhiều hơn. Thực tế "*hôn nhân xuyên biên giới*" có thể được công nhận về mặt pháp lý, cũng có thể chỉ được thừa nhận bởi phong tục tập quán và hình thành bởi các mối quan hệ xã hội tộc người có chung nền văn hóa hay từ các tương tác xã hội xuyên biên giới (Đặng Thị Hoa, chủ biên, 2016, tr. 59). Vì vậy, điều này không hoàn toàn đồng nghĩa với "*hôn nhân có yếu tố nước ngoài*" bởi thuật ngữ này bao gồm cả những cuộc hôn nhân ở các nước không có cùng biên giới, sẽ phải vượt qua thêm các rào cản về không gian địa lý xa xôi nên khác biệt văn hóa, ngôn ngữ, lối sống giữa vợ và chồng chắc chắn sẽ lớn hơn nhiều so với hôn nhân xuyên biên giới.

Đối với người Hà Nhì, các nguyên tắc trong hôn nhân được quy định khá chặt chẽ, trong đó nội hôn dòng họ đặc biệt bị nghiêm cấm², nếu ai vi phạm sẽ khép vào tội "loạn luân" và bị đuổi ra khỏi cộng đồng. Vì vậy, quan niệm ưu tiên hôn nhân đồng tộc với nguyên tắc ngoại hôn đã làm hạn chế đối tượng lựa chọn bạn đời trong phạm vi làng bản nội địa, hôn nhân với đồng tộc sát biên giới Trung Quốc là một lựa chọn thường thấy vào thời điểm trước chiến tranh biên giới Việt Nam - Trung Quốc (năm 1979). Từ năm 1979 đến 1990, mối quan hệ này giảm đi đáng kể và tăng trở lại khi hai nước Việt Nam - Trung Quốc bình thường hóa quan hệ vào năm 1991, tuy nhiên số lượng các cuộc hôn nhân không nhiều như trước đây.

² Nếu kết hôn với dòng họ bên ngoài phải cách nhau ít nhất 4 đời, nếu cùng họ nội phải cách ít nhất 5 đời, và kiêng kết hôn với những dòng họ đã thế kết nghĩa anh em (họ Chang không được lấy họ Phu, họ Phà không lấy họ Cha, họ Sần không lấy họ Chu và họ Lý). Không cho phép hai anh em trai lấy chị em gái và kết hôn giữa con chú, con bác, con cô, con cậu, con dì với nhau.

Nguyên nhân không hẳn là do thời gian xa cách gián đoạn vì chiến tranh mà từ sự kiểm soát biên giới chặt chẽ hơn trước, đặc biệt là việc phải thực hiện các thủ tục đăng kí kết hôn theo pháp luật. Chúng tôi đã làm việc với cán bộ thôn và những người cao tuổi Hà Nhì tại thôn Choản Thèn để thu thập số liệu về các cuộc hôn nhân đồng tộc xuyên biên giới, song các thông tin viên không thể nhớ chính xác con số từng năm nên thống kê được chia theo khung thời gian khoảng 5 năm/lần.

Biểu đồ 1: Số cặp hôn nhân của phụ nữ Hà Nhì với nam giới đồng tộc Trung Quốc từ năm 1993 đến 2022 tại thôn Choản Thèn



Nguồn: Thống kê nhân khẩu của cán bộ thôn và phỏng vấn hồi cố tại thôn Choản Thèn, năm 2022.

Biểu đồ trên đây cho thấy, sau khi mở cửa biên giới (1991) thì từ năm 1993 trở đi, hôn nhân đồng tộc xuyên biên giới đã trở lại. Thống kê cho thấy, trung bình có 3 trường hợp/năm (giai đoạn 1993-1997), cao nhất tăng lên 4 trường hợp/năm (2003 - 2007 và 2008 - 2012). Đây là thời điểm chợ biên giới đã trở nên sầm uất, buôn bán nông sản và lao động làm thuê xuyên biên giới của đồng bào Hà Nhì bắt đầu mạnh mẽ và ngày càng phát triển. Giai đoạn 2018 - 2022, chỉ có 4 trường hợp, chủ yếu diễn ra trước đại dịch COVID-19 (2019). Từ cuối năm 2019 đến hết 2022, khi hàng rào biên giới ngăn cách được thiết lập, quan hệ hôn nhân xuyên biên giới có dấu hiệu ngừng hẳn.

Trong các cuộc hôn nhân xuyên biên giới, tỷ lệ đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật rất thấp. Đồng bào DTTS cho rằng, thủ tục kết hôn với người nước ngoài rất phức tạp, phải nộp nhiều lệ phí và tốn công sức đi lại giữa hai nước. Sự dè dặt trong giao tiếp khiến người Hà Nhì gặp hạn chế trong các cuộc phỏng vấn trực tiếp (để xin quốc tịch bên Trung Quốc), nên

họ có tâm lý ngại thực hiện thủ tục này. Số liệu năm 2018 cho thấy, chỉ có 2 trường hợp làm thủ tục đăng ký kết hôn: 1 người Hmông và 1 người Dao; năm 2019 có 21 trường hợp, riêng Hà Nhì là 13 người (trong đó có 11 người xin giấy chứng nhận mang sang Trung Quốc³), 6 người Hmông (cả 6 người đều xin giấy chứng nhận), và 2 người Dao. Đầu năm 2020, có 1 trường hợp người Dao đăng ký kết hôn. Số liệu cập nhật từ chính quyền không chia theo thôn nên khá khó khăn cho việc phân tích. Trong cuộc thảo luận với chính quyền địa phương, cán bộ Tư pháp xã Y Tý cho biết, tính đến hết năm 2020, xã có 78 trường hợp phụ nữ rời khỏi địa phương đi lấy chồng Trung Quốc: dân tộc Hmông có 52 người, Hà Nhì - 15 người, Dao - 11 người. Số liệu này có thể thấp hơn nhiều so với thực tế, bởi nhiều trường hợp phụ nữ rời khỏi địa phương nhưng chính quyền cũng như gia đình không có thông tin nào về nơi họ đến nên rất khó xác minh và thống kê. Tính đến thời điểm tháng 4/2021, tại Choán Thèn có 9 trường hợp phụ nữ bỏ đi khỏi địa phương, đến tháng 4/2022 số liệu được cập nhật có 12 trường hợp và được cho rằng họ đã kết hôn với nam giới Trung Quốc. Trong đó, riêng gia đình ông Phu Zừ L. (57 tuổi) ở thôn này hiện có tới 04 người, gồm vợ và 3 cô con dâu đã rời bỏ gia đình và đang sinh sống ở bên kia biên giới, để lại những người chồng vì buồn chán mà sinh rượu chè, bỏ bê ruộng nương và những đứa trẻ thiếu người chăm sóc.

Trong các cuộc hôn nhân xuyên biên giới của người Hà Nhì, phần lớn sau khi quyết định lấy chồng Trung Quốc thì người vợ (Việt Nam) sẽ ở lại nhà chồng. Trước khi dịch COVID-19 diễn ra, đường mòn, lối đi giữa các thôn hai bên biên giới vẫn mở thì việc qua lại thăm hỏi giữa hai bên gia đình có quan hệ hôn nhân xuyên biên giới vẫn diễn ra thường xuyên. Ông Ly Seo D., người Hà Nhì cho biết: *“Con gái tôi lấy chồng bên Trung Quốc, ngày lễ tết con rể vẫn mang rượu sang biếu tôi, từ đây sang nhà nó chỉ khoảng 12km, nếu hôm nào con muốn về thăm thì gọi điện tôi đi xe máy ra chỗ đường biên đón, có lần nó ở lại nhà 2 -3 hôm để thu hoạch lúa giúp mẹ. Bây giờ đóng cửa biên giới, nghe nói nó phải đi qua Hà Khẩu mới về được nhà”* (PVS, nam, 65 tuổi, thôn Lao Chải). Những gia đình gả con gái cho đồng tộc gần biên giới thì mối quan hệ thông gia cũng khăng khít hơn, ngược lại, nếu lấy chồng Trung Quốc sâu trong nội địa sẽ ít có cơ hội về thăm nhà và quan hệ thông gia cũng mờ nhạt.

Điều tra phiếu hỏi các hộ gia đình người Hà Nhì với câu hỏi: *“Thông gia giữa hai gia đình có quan hệ hôn nhân xuyên biên giới có sự trao đổi hoặc thăm hỏi nhau không?”*, kết quả nhận được là: 61,2% trả lời rất ít khi có thăm hỏi giữa gia đình hai bên thông gia; 19,6% trả lời có thỉnh thoảng thăm hỏi; 2,8% cho rằng rất thường xuyên thăm hỏi; và 26,4% cho biết chưa bao giờ thăm hỏi giữa gia đình hai bên thông gia. Như vậy, số gia đình thông gia *“chưa bao giờ thăm hỏi”* và *“rất ít khi có thăm hỏi”* chiếm tỷ lệ đáng kể. Điều này cho thấy mối liên hệ trong gia đình có hôn nhân xuyên biên giới vẫn có khoảng cách nhất định. Cha mẹ trong gia đình có con gái lấy chồng Trung Quốc cho rằng: *“Những người con rể không cùng quốc tịch rất ít quan tâm, hỏi thăm cha mẹ vợ. Chỉ hy hữu vài trường hợp người vợ được chồng Trung Quốc đưa về thăm nhà cha mẹ đẻ. Thông thường, các cô dâu tự chủ động sắp xếp trở về,*

³ Giấy chứng nhận về tình trạng hôn nhân để mang sang Trung Quốc, có thể họ sẽ làm thủ tục đăng kí kết hôn tại Trung Quốc hoặc chỉ để dùng khi chính quyền kiểm tra.

có đôi khi đưa con cái theo cùng, nhưng đa số chồng Trung Quốc không muốn vợ Việt Nam dắt con về vì họ sợ các cô sẽ trốn ở lại, không về nhà chồng nữa” (PVS. Lý Cú C., 65 tuổi, thôn Choản Thèn). Sự xa cách về địa lý, đường biên giới, định kiến về chủng tộc,... làm ngăn cách tình cảm giữa cha mẹ và con cái, nhiều trường hợp cháu chắt không được biết đến ông bà ngoại. Vị thế của những phụ nữ DTTS Việt Nam lấy chồng nước ngoài thực tế không được coi trọng, họ phải chịu nhiều nhần nhện và tủi nhục nơi xứ người.

Đa số phụ nữ Hà Nhì ở Việt Nam muốn được nhập quốc tịch cùng với chồng ở Trung Quốc để ổn định cuộc sống, song Luật Quốc tịch của Trung Quốc đưa ra nguyên tắc “một quốc tịch”, tức là người nước ngoài muốn nhập quốc tịch của nước này thì phải từ bỏ quốc tịch gốc⁴. Mặc dù nhận thức được khá nhiều rủi ro có thể gặp phải, nhưng do một số lợi ích trước mắt, nhiều người phụ nữ Hà Nhì Việt Nam vẫn quyết định lấy chồng Trung Quốc. Tuy nhiên, họ thường không đăng ký tạm vắng tại địa phương hoặc cắt hộ khẩu khỏi gia đình bố mẹ trước khi đi, bởi họ biết thủ tục đăng ký kết hôn bên Trung Quốc không dễ dàng hoặc nếu xảy ra mâu thuẫn với chồng và gia đình chồng thì có thể tìm cách trở về quê hương mà vẫn còn quốc tịch Việt Nam. Hầu hết các gia đình nhà chồng ở Trung Quốc quản lý khá chặt chẽ để cô dâu Việt Nam không có nhiều cơ hội được trở về. Những người phụ nữ đó luôn rơi vào tình thế vừa muốn đoàn tụ với gia đình ở quê nhà, nhưng không muốn bỏ lại những đứa con của mình. Trưởng thôn Lao Chải cho biết đã chứng kiến không ít cảnh cô dâu Hà Nhì mang theo con trốn về nhà cha mẹ để trong đêm tối: *“Thực sự họ còn may mắn có thể mang được con về theo, chứ nhiều người một mình trốn còn khó khăn nữa là dắt theo con”* (PVS Trưởng thôn Lao Chải, Sờn Xe S., 37 tuổi). Một trong những phụ nữ từng trốn về kể lại rằng: *“Bên đó cũng làm nương, đi rẫy như mình thôi, cũng không giàu hơn là mấy, chỉ có thức ăn hàng ngày thì nhiều thịt hơn, gạo thì trồng năng suất hơn, mua phân, mua giống thì rẻ hơn thôi. Nhưng bên đó không có bạn, nhớ bố mẹ lắm. Chồng thì hơn tận 8 tuổi nên rất khó nói chuyện, lạnh nhạt, không có tình cảm được”* (PVS, Có Mí S., 27 tuổi, thôn Choản Thèn).

Nhà nước Việt Nam nhận thấy sự phức tạp của vấn đề hôn nhân có yếu tố nước ngoài nên đã cụ thể hóa các điều trong Luật Hôn nhân và Gia đình bằng việc ban hành các Nghị định: Nghị định số 126/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/12/2014 *“Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình”*, Nghị định số 68/2002/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10/7/2002 *“Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và Gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài”* và Nghị định số 24/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 28/3/2013 về *“Trình tự đăng ký kết hôn đối với trường hợp công dân Việt Nam đã chung sống như vợ chồng với công dân nước láng giềng ở khu vực biên giới”*. Hồ sơ đăng ký kết hôn đã đơn giản hơn, thẩm quyền cấp chứng nhận kết hôn là Ủy ban nhân dân xã - nơi một trong hai người, vợ hoặc chồng, có hộ khẩu thường trú. Điều này đã tạo thuận lợi

⁴ Luật Quốc tịch nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (15/6/2005) quy định người nước ngoài xin nhập quốc tịch Trung Quốc, ngoài các điều kiện quy định tại Điều 3 đến Điều 7 của Luật này như cư trú trên lãnh thổ Trung Quốc mỗi năm 183 ngày trong vòng 5 năm liên tục, đủ 20 tuổi trở lên, có vợ hoặc chồng là công dân Trung Quốc, hoặc chứng minh là con nuôi của công dân Trung Quốc..., người đó phải cung cấp Quyết định thôi quốc tịch của họ.

cho hai bên đăng ký kết hôn, đảm bảo phù hợp pháp luật và giảm thiểu tình trạng kết hôn không giá thú hoặc lợi dụng hôn nhân có yếu tố nước ngoài vào hoạt động trái pháp luật, từ đó bảo vệ tốt hơn quyền của công dân Việt Nam và sự ổn định của các gia đình có yếu tố nước ngoài vùng DTTS.

3. Hôn nhân hỗn hợp dân tộc

“Hôn nhân hỗn hợp” mang ý nghĩa khá rộng, đó là cuộc hôn nhân được hình thành bởi cặp vợ chồng thuộc hai quốc tịch, dân tộc hoặc tôn giáo khác nhau. Trong phần viết này, chúng tôi muốn đề cập đến loại hình hôn nhân hỗn hợp của người Hà Nhì trên khía cạnh hỗn hợp về mặt tộc người giữa người Hà Nhì và những tộc người khác sinh sống trong nội địa Việt Nam⁵.

Trong vài thập kỷ qua, quá trình cư trú xen cài giữa các DTTS ở nước ta ngày càng tăng, trào lưu di cư lao động, đi làm ăn xa nhà ngày càng phổ biến ở tất cả các tộc người. Trong bối cảnh đó, người Hà Nhì đã bắt đầu chủ động hòa nhập thông qua hôn nhân khác tộc. Hiện nay, mạng Internet tốc độ cao đã bao phủ rộng rãi khắp các thôn bản vùng biên giới, trong đó có Choản Thèn và Lao Chải. Đa số người Hà Nhì có thể sử dụng điện thoại thông minh, các ứng dụng Zalo, Facebook, Wechat được dùng phổ biến, giúp cho việc kết nối liên quan đến quan hệ họ hàng, bạn bè, mạng lưới lao động làm thuê trong nội địa và xuyên biên giới thuận lợi hơn. Vì vậy, đối lập với lối sống đề cao “tính đồng tộc” tồn tại bấy lâu, người Hà Nhì đang hình thành xu hướng mở rộng quan hệ với các dân tộc và địa phương khác. Đối tượng gặp gỡ quen biết của thanh niên Hà Nhì đến tuổi kết hôn không còn bó hẹp là người đồng tộc gần nơi sinh sống hoặc giáp biên giới nữa mà gồm cả người khác tộc trong nội địa Việt Nam và khác tộc ở Trung Quốc.

Số liệu năm 2010 cho thấy, thôn Lao Chải chỉ có 2 trường hợp hôn nhân khác dân tộc, đó là nam Hà Nhì lấy người Thái và nữ Hà Nhì lấy người Dao (Vương Xuân Tình, 2011, tr. 54). Đến năm 2022, tỷ lệ hôn nhân khác tộc đã lên tới 31% (Biểu đồ 2). Đây là yếu tố chính tạo nên các gia đình hỗn hợp dân tộc.

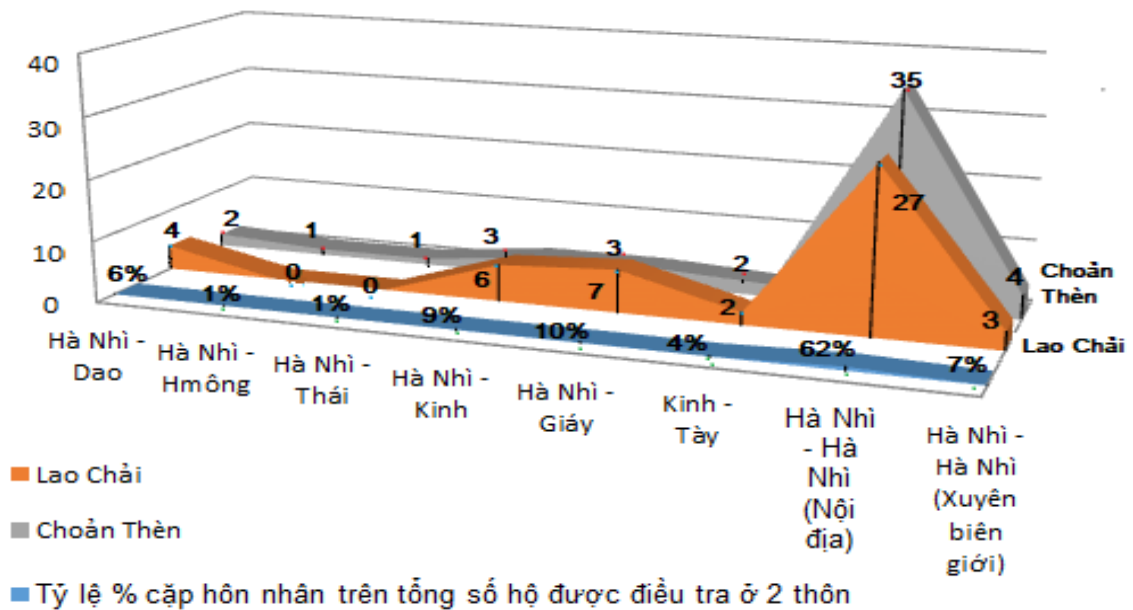
Tại địa bàn nghiên cứu, chúng tôi tiếp xúc với các gia đình có nam giới là người Kinh từ tỉnh Nam Định, Vĩnh Phúc; người Thái từ Yên Bái; người Dao từ Bắc Kạn đến làm ăn rồi kết hôn với phụ nữ Hà Nhì và định cư tại đây. Một số cô giáo người Kinh từ miền xuôi đến xã Y Tý dạy học và quyết định ở lại lập gia đình. Trong khoảng thời gian 5 năm trở lại đây, có những trường hợp nam, nữ người Hà Nhì trong độ tuổi lao động đi làm thuê, buôn bán, đi học... đến các xã, huyện, tỉnh khác lấy chồng, lấy vợ khác tộc và định cư tại nơi ở mới nhưng

⁵ Hôn nhân hỗn hợp dân tộc giữa người Hà Nhì ở Lao Chải và Choản Thèn với người dân tộc khác bên kia biên giới Trung Quốc chưa có các số liệu thống kê chính xác từ chính quyền địa phương. Khi phỏng vấn tại thực địa, chúng tôi được biết có một vài phụ nữ bỏ đi khỏi địa phương nhiều năm, họ hàng và láng giềng nghe nói có thể họ đã lấy chồng người Hán, người Choang, tuy nhiên, đến nay vẫn chưa quay trở lại thăm gia đình.

chính quyền thôn không thống kê. Do vậy, số liệu điều tra thể hiện tại Biểu đồ 2 chỉ gồm các cặp hôn nhân vẫn có tên trong sổ hộ khẩu tại địa phương.

Biểu đồ 2: Tình hình kết hôn đồng tộc và khác tộc tại hai thôn Choản Thèn và Lao Chải

(Đơn vị: Cặp hôn nhân)



Nguồn: Số liệu điều tra thực địa, tháng 4/2022

Đó là đổi thay rõ rệt ở người Hà Nhi. Trước đây, họ chỉ muốn làm nương trên mảnh đất của mình, buôn bán nhỏ hoặc làm thuê tại biên giới gần nhà để đi về trong ngày, thì hiện nay nhiều thanh niên tham gia trào lưu đi làm ăn xa tới các tỉnh khác trong nội địa, nhất là vào nửa cuối năm 2021 và năm 2022 khi tình hình dịch COVID-19 dần được kiểm soát. Trước nhu cầu việc làm tăng cao tại các địa bàn biên giới, tỉnh Lào Cai đã triển khai một số biện pháp như: liên kết với các khu công nghiệp, nhà máy, xí nghiệp tại các tỉnh Quảng Ninh, Bắc Giang, Bắc Ninh, Bình Dương, Đồng Nai... để tổ chức các phiên giao dịch việc làm, thu hút đồng bào DTTS tham gia vào thị trường lao động trong nước. Đây là cơ hội để thế hệ trẻ người Hà Nhi xây dựng những quan hệ mới phù hợp trong độ tuổi kết hôn, điều này càng thúc đẩy mạnh mẽ xu hướng hôn nhân khác tộc ở người Hà Nhi trong thời gian gần đây.

Ứng dụng mạng xã hội và các trang web tìm bạn là một cầu nối không hiện hữu về vật chất nhưng lại có thể từng bước phá vỡ những quan điểm cố hữu về ưu tiên lựa chọn hôn nhân đồng tộc. Có những trường hợp nam nữ Hà Nhi quen biết nhau qua mạng xã hội, nảy sinh tình cảm và dẫn đến hôn nhân không chỉ khác dân tộc mà còn cách rất xa về địa lý. Chị Ly Có X. (sinh năm 1996) cho biết: “*Bây giờ chị em ở Lao Chải đi khắp nơi làm thuê, đi học xa, quen ai thích ai thì lấy thôi. Không như vài năm trước chỉ loanh quanh trong mấy thôn Hà Nhi với chợ biên giới. Năm nay thấy bảo có mấy cặp người lấy người Kinh và người Dao đấy, vừa rồi*

do Covid nên chưa tổ chức đám cưới thôi”. Sự cởi mở hơn trong quan niệm lựa chọn bạn đời khác tộc không chỉ thấy rõ ở thế hệ thanh niên đi làm ăn xa, mà ngay cả những người Hà Nhì từ trung niên đến cao tuổi được phỏng vấn đều có sự đổi mới về tư duy, bởi thực tế chưa thấy nguy cơ xảy ra xung đột sau khi kết hôn tại các gia đình hỗn hợp dân tộc hiện nay tại hai thôn Lao Chải và Choản Thèn. Ngày nay, các cặp vợ chồng khác tộc hầu hết đều đã tốt nghiệp trung học cơ sở nên giao tiếp thành thạo tiếng phổ thông, họ đến với nhau bằng hôn nhân tự nguyện, quá trình tìm hiểu trước hôn nhân giúp họ dung hòa sự khác biệt. Phỏng vấn anh Sần Ca N. (người Hà Nhì, sinh năm 1999, thôn Lao Chải) cho biết: “*Khi tôi lấy vợ người Giáy, không biết bố mẹ có vừa lòng không nhưng không phản đối gay gắt, chỉ biết bố không bắt vợ ngồi ăn cơm dưới đất, ông bảo: ngồi lên đây ăn chung mâm với bố mẹ! Nhưng theo phong tục, vợ không được cúng bàn thờ nhà và tham gia cúng bản thôi*”. Chị Lù Mí S. (người Dao, sinh năm 2003, thôn Lao Chải) cũng chia sẻ: “*Mình lấy chồng người Hà Nhì 2 năm rồi nhưng không cãi nhau đâu, sống với bố mẹ chồng cũng thoải mái, bình thường mình đi làm nương, tối về mới gặp ông bà. Hiện mình đang mang bầu con đầu lòng sắp sinh, mẹ chồng cũng chia sẻ việc nhà giúp mình nhiều lắm, đi làm về là bà đã nấu cơm xong rồi*”. Khi tiến hành nghi lễ đám cưới, cô dâu và chú rể dù khác dân tộc sẽ cùng mặc trang phục truyền thống theo bên đang thực hiện nghi lễ. Chẳng hạn, nếu như tổ chức bên nhà trai Hà Nhì thì mặc trang phục Hà Nhì, còn khi ở bên nhà gái người Dao thì đôi vợ chồng lại mặc trang phục và thực hiện nghi lễ của dân tộc Dao. Nhà trai và nhà gái luôn có sự “thỏa thuận” để phong tục, lễ nghi được thống nhất, dẫn đến sự suôn sẻ, vẹn tròn. Sau đám cưới, đôi vợ chồng cư trú ở bên nhà nào thì tuân theo tập quán của tộc người nơi đó.

Tại thôn Choản Thèn và Lao Chải, các gia đình hỗn hợp dân tộc giữa người Hà Nhì với người Kinh, người Giáy, người Thái cho thấy quan hệ vợ chồng có sự bình đẳng hơn trong phân chia công việc và các quyền quyết định so với các gia đình hôn nhân đồng tộc Hà Nhì. Các hộ gia đình hỗn hợp dân tộc này cũng tách hộ sớm hơn, tạo ra sự độc lập, tự chủ, không phụ thuộc vào gia đình lớn. Đồng thời vợ và chồng khác tộc có thể học hỏi kinh nghiệm làm ăn lẫn nhau dẫn tới nhiều cơ cấu ngành nghề mới xuất hiện. Tại địa bàn nghiên cứu, các công việc kinh doanh, dịch vụ đều có sự khởi xướng từ các hộ gia đình hỗn hợp dân tộc trên. Điều này làm mới diện mạo cơ cấu ngành nghề kinh tế trên địa bàn vốn chỉ thuần túy nông nghiệp và lao động làm thuê xuyên biên giới (Hoàng Phương Mai, 2022, tr. 116).

Kết luận

Qua nghiên cứu một số hình thức hôn nhân đặc trưng của người Hà Nhì tại xã biên giới Y Tý, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai cho thấy sự tồn tại bền bỉ qua thời gian của *hôn nhân đồng tộc* - biểu thị cho ý thức bảo vệ lực lượng sản xuất và tư liệu sản xuất cho gia đình và cộng đồng tộc người. *Hôn nhân xuyên biên giới* là hình thức hôn nhân mang tính đặc thù khu vực biên giới, mặc dù mang lại mối quan hệ dân tộc hữu nghị, hòa hảo giữa cư dân biên giới hai

nước song cũng để lại nhiều hệ lụy vì phần lớn đó là các cuộc hôn nhân không đăng ký với chính quyền. Điều này gây nên thiệt thòi cho người phụ nữ và con cái của họ khi sinh sống tại nước sở tại hay khi quay trở về. Hiện nay, chính sách của Nhà nước liên quan đến hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài đã được cụ thể hóa chi tiết nhằm giảm thiểu kết hôn không giá thú hoặc lợi dụng hôn nhân có yếu tố nước ngoài vào hoạt động trái pháp luật. Chính quyền địa phương cũng tăng cường tuyên truyền để nâng cao hiểu biết của đồng bào DTTS về các văn bản luật, cùng các kiến thức, kỹ năng trong quan hệ xã hội nhằm hạn chế tình trạng phụ nữ bị lừa bán hoặc dụ dỗ lấy chồng Trung Quốc. Tỉnh Lào Cai cũng đẩy mạnh các biện pháp phát triển kinh tế địa phương một cách bền vững bằng cách thu hút lao động vào nông nghiệp và thủ công nghiệp tại địa phương, phát triển du lịch cộng đồng, kết nối giới thiệu việc làm với các khu công nghiệp trong nước... nhằm vận động đồng bào hạn chế đi làm thuê trái phép xuyên biên giới và phụ nữ không bỏ đi khỏi địa phương, ở lại xây dựng quê hương, tạo nên sự ổn định cho các gia đình tộc người vùng biên giới nói chung.

Sự xuất hiện của *hôn nhân hỗn hợp dân tộc* trong cộng đồng người Hà Nhì đã phản ánh sự “chín muồi” của các điều kiện khách quan và chủ quan cần phải có sự thích ứng với thời đại mới. Nếu như ở nhiều DTTS khác, hôn nhân hỗn hợp dân tộc chủ yếu xuất phát từ việc cư trú xen cài nhiều tộc người làm điều kiện cho nam nữ tiếp xúc với nhau dẫn tới hôn nhân, hôn nhân hỗn hợp dân tộc trong nội địa Việt Nam của người Hà Nhì hình thành chủ yếu từ các nguyên nhân sau: *Thứ nhất*, việc đóng cửa biên giới và thiết lập hàng rào ngăn cách từ cuối năm 2019 gần như dập tắt những hy vọng của người Hà Nhì về sự kết nối các quan hệ xuyên biên giới qua đường tiểu ngạch, mở ra xu hướng đi làm ăn xa và kết hôn khác tộc trong nội địa Việt Nam. *Thứ hai*, sự phát triển của mạng lưới xã hội qua các ứng dụng trực tuyến giúp người Hà Nhì mở rộng cơ hội tìm bạn đời khác tộc cách xa nơi cư trú, giới hạn về không gian lựa chọn đối tượng kết hôn không còn hạn chế. *Thứ ba*, kinh tế - xã hội đất nước ngày một phát triển đã thúc đẩy người Hà Nhì thay đổi nhận thức. Tự bản thân họ mong muốn có các cơ hội mới bên ngoài các mối quan hệ vốn có bên trong cộng đồng tộc người.

Nghiên cứu các hình thức hôn nhân đặc trưng của người Hà Nhì ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc cho thấy sự đa dạng của hôn nhân và quá trình thích nghi của họ trước sự biến đổi xã hội. Thực tế, hôn nhân hỗn hợp dân tộc là loại hình có xu hướng phát triển mạnh nhất trong khi hôn nhân đồng tộc vẫn chiếm số đông nhưng cũng đang dần giảm thiểu theo thời gian; hôn nhân xuyên biên giới gần như ngừng hẳn sau khi dịch COVID-19 xảy ra, trong tương lai người dân sẽ có nhận thức hơn về các rủi ro có thể xảy ra nên hình thức hôn nhân này cũng không có nhiều cơ hội phát triển. Hôn nhân hỗn hợp dân tộc đem lại yếu tố tích cực góp phần tăng cường khối đại đoàn kết giữa các dân tộc. Tuy nhiên, trên khía cạnh bảo tồn văn hóa truyền thống, loại hình hôn nhân này có thể dẫn đến sự lỏng lẻo trong kết nối gia đình, dòng tộc và sự tiếp nối truyền thống văn hóa Hà Nhì. Việc lựa chọn hình thức hôn nhân phù hợp trong xã hội đương đại cho thấy vai trò chủ thể của tộc người Hà Nhì trong việc định hướng phát triển gia

đình gắn với văn hóa tộc người, bền vững về kinh tế, ổn định chính trị, góp phần đảm bảo an ninh biên giới Việt Nam - Trung Quốc hiện nay.

Tài liệu tham khảo

1. Long Vĩnh Hành (1994), “Quan hệ Việt Trung thời kỳ Minh Thanh” *《明清时期的中越关系》*, *Tạp chí Tung hoành Đông Nam Á*, Số 4, tr. 14-24.
2. Đặng Thị Hoa (Chủ biên, 2016), *Hôn nhân xuyên biên giới với phát triển xã hội*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Hội đồng Quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển Bách khoa Việt Nam (2002), *Từ điển Bách khoa Việt Nam, Quyển 2*, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội.
4. Dương Lục Kim (2007), “Lịch sử người Hà Nhì ở Việt Nam”, *Tạp chí nghiên cứu Hà Nhì học*, Vân Nam.
5. Nguyễn Thị Lành (2016), *Đám cưới của người Hà Nhì đen ở huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai*, Nxb. Mỹ thuật, Hà Nội.
6. Lianling Su (2013), *Cross-border marriage migration of Vietnamese women to China*. Master thesis, Kansas State University.
7. Hoàng Phương Mai (2022), “Xu hướng hôn nhân khác tộc của người Hà Nhì vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, Số 10, tr. 107-118.
8. Nguyễn Văn Minh (2008), “Lựa chọn bạn đời: qui tắc và thực hành hôn nhân (Nghiên cứu tại Yên Bái, Thừa Thiên Huế và Tiền Giang)”, trong: *Gia đình nông thôn Việt Nam trong chuyển đổi*, Trịnh Duy Luân đồng chủ biên, Dự án VS-RDE-05, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
9. Dương Tuấn Nghĩa (2010), “Vài nét về cách thức đặt tên theo “Phụ tử liên danh” với vấn đề nghiên cứu lịch sử người Hà Nhì đen ở Lào Cai”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 5, tr. 78-82.
10. Lý Hành Sơn (2016), “Quan hệ dân tộc xuyên quốc gia của một số tộc người vùng miền núi phía Bắc: Thực trạng và tác động”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam*, Số 5, tr. 34-39.
11. Vương Xuân Tình (2011), *Một số vấn đề cơ bản về dân tộc dưới tác động của sự phát triển vùng biên giới Việt - Trung*, Báo cáo tổng hợp Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Thư viện Viện Dân tộc học.
12. Ủy ban nhân dân xã Y Tý (2021), *Báo cáo Đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của Ủy ban nhân dân xã Y Tý khóa XVII, nhiệm kỳ 2016 - 2021*, số 11/BC-UBND, ngày 18/1/2021.